TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2023
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Quốc Tiến**

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Trung T, sinh ngày 20/11 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 190/15/14 đường 30/4, phường L, quận, K, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu chung cư số 444, Số B6 tầng 7 đường Q, phường L1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phan Trung T trình bày:*** Tôi và Lê Thị Mỹ H1 tự nguyện quen biết tìm hiểu rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1455 ngày 17/08/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thành phố G, đến năm 2014 thì anh T về thành phố Cần Thơ sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng không cùng chung tiếng nói dẫn đến cự cải nhau từ đó tình cảm vợ chồng không

còn, hiên nay chị H1 đã có gia đình khác. Do đó, cuộc sống hôn nhân giữa anh T, chị H1 không thể hàn gắn được nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh Phan Trung T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Phan Lê Nhã K1, sinh ngày 25/07/2011. Anh T giao người con chung cho chị K1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Trung T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của chị Lê Thị Mỹ H1 trình bày:***

Về hôn nhân: Chị H1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Chị H1 xác định có 01 người con chung tên Phan Lê Nhã K1, sinh ngày 25/07/2011, chị H1 đồng ý tiếp tục nuôi người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ H1 xác định không có.

Tại phiên tòa,

Về hôn nhân: Anh T xác định yêu đầu được ly hôn với chị H1.

Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Trung T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn chị Lê Thị Mỹ H1 và chị H1 là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Mỹ H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn chị H1 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị H1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Trung T và chị Lê Thị Mỹ H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã được UBND phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1455 ngày 17/08/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị H1 không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi

lẻ, anh T và chị H1 xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn gây gắt và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp trong cách sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cải nhau, tình cảm vợ chồng không còn và chị H1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T được thể hiện tại bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của chị H1. Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H1.

[5] Về quan hệ con chung: Anh Phan Trung T và chị Lê Thị Mỹ H1 xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Phan Lê Nhã K1, sinh ngày 25/07/2011. Anh T giao người con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng và chị H1 cũng có ý kiến đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng người con chung. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu K1 cũng muốn được sinh sống cùng với mẹ (chị H1) (được thể hiện tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/08/2023) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận sựvtự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* cho đến khi con tròn 18 tuổi của anh Phan Trung T.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Trung T và chị Lê Thị Mỹ H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Trung T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Trung T được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H1.

2. Về con chung: Giao người con tên Phan Lê Nhã K1, sinh ngày 25/07/2011 cho chị Lê Thị Mỹ H1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Phan Trung T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ bản án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá thực hiện.

Kể từ ngày chị H1 có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh T không cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Phan Trung T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Trung T và chị Lê Thị Mỹ H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Phan Trung T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007227 ngày 16/03/20123 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, anh phan Trung T còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/10/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh